

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 47736/2017/ATTP-XNCB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2017*

## **XÁC NHẬN CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM**

Cục An toàn thực phẩm xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm của:

*Tên tổ chức, cá nhân:* Công ty TNHH Siberian Health Việt Nam

*Địa chỉ:* Số 95B, Khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.

*Điện thoại:* 0437835865

*Fax:*

*Email:* bich.nx@sibvaleo.com

*Cho sản phẩm:* Men's Box

Sản phẩm trên thuộc nhóm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe do Công ty Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya; Địa chỉ: Số 11/20, phố Khimzavodskaya, tp. Berdsk, tỉnh Novosibirsk, Liên Bang Nga, Liên Bang Nga sản xuất phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

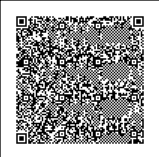
Định kỳ 3 năm tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc đăng ký bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

***Nơi nhận:***

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đỗ Hữu Tuấn**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 82/2016/0105615219-CBPH

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Siberian Health Việt Nam**

Địa chỉ: Số 95B, Khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0437835865

Fax:

E-mail: bich.nx@sibvaleo.com

### **CÔNG BỐ**

Sản phẩm: **Men's Box**

Sản xuất tại: **Công ty Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya**

Địa chỉ: Số 11/20, phố Khimzavodskaya, tp. Berdsk, tỉnh Novosibirsk, Liên Bang Nga

Xuất xứ: Liên Bang Nga

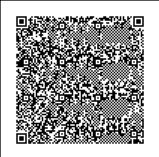
Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/quy định an toàn thực phẩm:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-3:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

**Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016**  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Nghiêm Xuân Bích**



## BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

|                                             |                                  |                                         |
|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Sở kế hoạch và đầu tư Tp.<br/>Hà Nội</b> | <b>Thực phẩm bảo vệ sức khỏe</b> | <b>Số: 82/2016/0105615219-<br/>CBPH</b> |
| Công ty TNHH Siberian<br>Health Việt Nam    | Men's Box                        | Có hiệu lực kể từ ngày ký               |

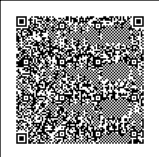
### 1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

#### 1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

| Stt | Tên chỉ tiêu      | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trạng thái        | Viên nang cứng                                                                                                                                                                                                                                        |
| 2   | Màu sắc           | Viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs: từ màu vàng sáng đến màu nâu. Viên nang Deer Antler and Siberian Ginseng: từ màu be đến màu nâu với các hạt lấm tấm sậm màu. Viên nang Yohimbe and Siberian Ginseng: từ màu nâu sáng đến màu nâu sậm. |
| 3   | Mùi, vị           | mùi vị thảo mộc                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4   | Các đặc tính khác |                                                                                                                                                                                                                                                       |

#### 1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                                     | Đơn vị tính | Mức công bố   | Mức đáp ứng/<br>khẩu phần ăn |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|------------------------------|
| 1   | Viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs, Độ ẩm                            | %           | tối đa 15     |                              |
| 2   | Kẽm                                                                              | mg/ viên    | 20,08 – 30,12 | 358% (lứa tuổi 19 đến 65)    |
| 3   | Đồng                                                                             | mg/ viên    | 0,8 – 1,2     |                              |
| 4   | Vitamin C                                                                        | mg/ viên    | 14,6 – 21,9   | 26% (lứa tuổi 19 đến 65)     |
| 5   | Inulin                                                                           | mg/ viên    | 81 – 99       |                              |
| 6   | Phenol                                                                           | mg/ viên    | 3,6 – 4,4     |                              |
| 7   | Viên nang Essentials by Siberian Health. Yohimbe and Siberian Ginseng, Độ ẩm     | %           | tối đa 15     |                              |
| 8   | Yohimbine                                                                        | mg/ viên    | 6,66 – 8,14   |                              |
| 9   | Viên nang Essentials by Siberian Health. Deer Antler and Siberian Ginseng, Độ ẩm | %           | tối đa 15     |                              |
| 10  | Eleutheroside                                                                    | mg/ viên    | 1,08 – 1,32   |                              |



|    |              |          |           |  |
|----|--------------|----------|-----------|--|
| 11 | Ginsenoside  | mg/ viên | 0,9 – 1,1 |  |
| 12 | Thời gian rã | phút     | 4 - 6     |  |

### 1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

| Stt | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức tối đa    |
|-----|-------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Tổng vi khuẩn hiếu khí  | CFU/g       | $\leq 10^4$   |
| 2   | Coliforms               | CFU/g       | $\leq 10$     |
| 3   | E. Coli                 | CFU/g       | Không được có |
| 4   | Staphylococcus aureus   | CFU/g       | Không được có |
| 5   | Streptococci faecal     | CFU/g       | Không được có |
| 6   | Clostridium perfringens | CFU/g       | 10.0          |
| 7   | TSBTNM -M               | CFU/g       | $\leq 10^2$   |
| 8   | Salmonella              | CFU/25g     | Không được có |

### 1.4. Hàm lượng kim loại nặng:

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1   | Chì          | mg/kg       | $\leq 3,0$ |
| 2   | Cadmium      | mg/kg       | $\leq 1,0$ |
| 3   | Thủy ngân    | mg/kg       | $\leq 0,1$ |

### 1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

| Stt | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|------------------------------------|-------------|------------|
| 1   | Hàm lượng Aflatoxin B1             | ppb         | $\leq 5$   |
| 2   | Hàm lượng Aflatoxin B1; B2; G1; G2 | ppb         | $\leq 15$  |

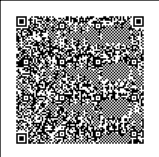
<Đư lượng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với quy định tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ y tế>

### 1.6. Các chỉ tiêu khác:

## 2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs (570 mg/viên): Chiết xuất cây Cúc đại (Echinacea purpurea, 102 mg); Chiết xuất trái Sơ-ri (Malpighia glabra, 100 mg); Bột inulin (100 mg); Chiết xuất cây Tầm xuân (Rosa majalis Herrm., 50 mg); Orotate kẽm (50 mg); Lactate kẽm (35 mg); Citrate kẽm (30 mg); Citrate đồng (3 mg); Bao nang (100 mg).

Viên nang Essentials by Siberian Health. Yohimbe and Siberian Ginseng (530 mg/viên): Rễ Sâm Siberi (Eleutherococcus senticosus, 200 mg); Hợp chất Gemolen



(chất cô của huyết tương và huyết của nai phương Bắc (*Rangifer tarandus*), 150 mg); Chiết xuất cây Yohimbe (*Pausinystalia johimbe*, 70 mg); Chiết xuất cây Lậu lô (*Rhaponticum carthamoídes*, 10 mg); Bao nang (100 mg).

Viên nang Essentials by Siberian Health. Deer Antler and Siberian Ginseng (510 mg/viên): Rễ Rau dền rễ đỏ (*Hedysarum sibiricum*, 200 mg); Chiết xuất Sâm Siberi (*Eleutherococcus senticosus*, 150 mg); Chiết xuất Sâm (*Panax ginseng*, 10 mg); Hợp chất Gemolen (chất cô của huyết tương và huyết của nai phương Bắc (*Rangifer tarandus*), 45 mg); Protein từ huyết thanh nai Siberi (*Cervus elaphus*, 5 mg); Bao nang (100 mg).

**3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:**

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:**

**Công dụng:**

Sản phẩm có tác dụng giúp tăng cường sinh lực nam giới và hỗ trợ nâng cao sức đề kháng.

**Đối tượng:**

Sản phẩm dành cho nam giới từ 30 tuổi trở lên muốn cải thiện sinh lực và nâng cao sức đề kháng cho cơ thể.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

Mỗi ngày dùng một túi trong bữa ăn.

Bảo quản: Để ở nơi khô, thoáng mát (nhiệt độ không quá 25°C), tránh ánh nắng mặt trời, xa tầm tay trẻ em.

**5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI**

Chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng trong túi nhựa nhỏ, túi nhựa được đóng trong hộp giấy.

Quy cách đóng gói: 30 túi/ hộp, 3 viên/túi. Mỗi túi bao gồm 1 viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs, 1 viên nang Essentials by Siberian Health. Yohimbe and Siberian Ginseng và 1 viên nang Essentials by Siberian Health. Deer Antler and Siberian Ginseng.

**6. QUY TRÌNH SẢN XUẤT**

**7. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT, GIẢ (NẾU CÓ)**

**8. NỘI DUNG GHI NHÃN**

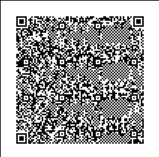
Xem phụ lục đính kèm

**9. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

Xuất xứ: Liên Bang Nga.

Nhà sản xuất: Công ty Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya; Địa chỉ: số 11/20, phố Khimzavodskaya, tp. Berdsk, tỉnh Novosibirsk, Liên Bang Nga; Điện thoại: (383) 328-10-60; Fax: (383) 218-07-55.

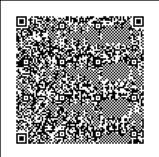
Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: Công ty TNHH Siberian



Health Việt Nam; Địa chỉ: Số 95B, Khu lao động Thịnh Hào, P. Ô Chợ Dừa, Q.  
Đống Đa, Hà Nội; Điện thoại: 378 358 65.

**Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016**  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Nghiêm Xuân Bích**



## NHÃN PH TH C PH M B O V S C KH E MEN'S BOX

**Thành phần Viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs (30 viên, 570 mg/viên):** Chiết xuất cây Cúc dũi (Echinacea purpurea, 102 mg); Chiết xuất trái S-ri (Malpighia glabra, 100 mg); Bột inulin (100 mg); Chiết xuất cây Tím xuân (Rosa majalis Herrm., 50 mg); Orotate kẽm (50 mg); Lactate kẽm (35 mg); Citrate kẽm (30 mg); Citrate đồng (3 mg); Bao nang (100 mg).

**Thành phần Viên nang Essentials by Siberian Health. Yohimbe and Siberian Ginseng (30 viên, 530 mg/viên):** Rễ Sâm Siberi (Eleutherococcus senticosus, 200 mg); Hấp chiết Gemolen (chiết cô đặc huyết tinh ng và huyết cô đặc nai phồng Béc (Rangifer tarandus), 150 mg); Chiết xuất cây Yohimbe (Pausinystalia johimbe, 70 mg); Chiết xuất cây Lâu lô (Rhaponticum carthamoides, 10 mg); Bao nang (100 mg).

**Thành phần Viên nang Essentials by Siberian Health. Deer Antler and Siberian Ginseng (30 viên, 510 mg/viên):** Rễ Rau dớn rừ d (Hedysarum sibiricum, 200 mg); Chiết xuất Sâm Siberi (Eleutherococcus senticosus, 150 mg); Chiết xuất Sâm (Panax ginseng, 10 mg); Hấp chiết Gemolen (chiết cô đặc huyết tinh ng và huyết cô đặc nai phồng Béc (Rangifer tarandus), 45 mg); Protein t huyết thanh nai Siberi (Cervus elaphus, 5 mg); Bao nang (100 mg).

**Trong 1 viên nang có chứa:**

| Hoạt chất                                                                        | Hàm lượng, mg | Mức đáp ứng RNI*<br>(lứa tuổi 19-65), % |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------|
| <b>Viên nang Elemvitals. Zinc with Siberian herbs</b>                            |               |                                         |
| Kẽm                                                                              | 25,1          | 358                                     |
| Đồng                                                                             | 1,0           | -                                       |
| Vitamin C                                                                        | 18,25         | 26                                      |
| Inulin                                                                           | 90            | -                                       |
| Phenol                                                                           | 4,0           | -                                       |
| <b>Viên nang Essentials by Siberian Health. Yohimbe and Siberian Ginseng</b>     |               |                                         |
| Yohimbine                                                                        | 7,4           | -                                       |
| <b>Viên nang Essentials by Siberian Health. Deer Antler and Siberian Ginseng</b> |               |                                         |
| Eleutheroside                                                                    | 1,2           | -                                       |
| Ginsenoside                                                                      | 1,0           | -                                       |

\*Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014).

**Công dụng:** Sản phẩm có tác dụng giúp tăng cường sinh lý nam giới và hỗ trợ nâng cao sức đề kháng.

**Chú ý:** Sản phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.

**Đối tượng sử dụng:** Sản phẩm dành cho nam giới từ 30 tuổi trở lên muốn cải thiện sinh lý và nâng cao sức đề kháng cho cơ thể.

**Hướng dẫn sử dụng:** Mỗi ngày dùng một túi trong hộp ăn.

**Bảo quản:** Để nơi khô ráo, thoáng mát (nhiệt độ không quá 25°C), tránh ánh nắng mặt trời, xa tầm tay trẻ em.

**Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Xem trên bao bì.

**Quy cách bao gói:** 30 túi/hộp, 3 viên/túi.

**Xuất xứ:** Liên Bang Nga.

**Nhà sản xuất:** Công ty Laboratoriya Sovremennogo Zdorovya; Đ/c: số 11/20, phố Khimzavodskaya, tp. Berdsk, tỉnh Novosibirsk, Liên Bang Nga; ĐT: (383) 328-10-60.

**Thông tin nhân phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá:**

Công ty TNHH Siberian Health Việt Nam; Đ/c: Số 95B, Khu lao động Thủ Lĩnh Hào, P. Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội; ĐT: 378-358-65; Website: www.siberianhealth.com, www.sibshop.vn

**Giấy xác nhận phù hợp quy định ATTP số:** xxxxxxxxx.



Trang 8